

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ THÀNH TRỰC**

Số: /UBND-VP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành Trục, ngày tháng 9 năm 2023

V/v triển khai Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2023.

**Kính gửi: Công chức cơ quan UBND xã Thành Trục**

Ngày 22/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ký Quyết định số 2971/QĐ-UBND ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo đó, Danh mục dịch vụ công (DVC) trực tuyến một phần và toàn trình (bao gồm cả thủ tục liên thông giữa các cấp, các ngành) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã cụ thể là: Số dịch vụ công trực tuyến một phần là 129, số Dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 48. Số dịch vụ công không xác định dịch vụ công trực tuyến là 39.

*(Có Danh mục thủ tục hành chính trực tuyến kèm theo)*

Để đảm bảo thực hiện tốt Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND xã Thành Trục về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kế hoạch hành động của UBND huyện, Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã về nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, Quốc phòng - An ninh năm 2023; Hoàn thành chỉ tiêu giao đối với việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến cấp xã. Chủ tịch UBND xã Thành Trục có ý kiến chỉ đạo như sau:

**1. Yêu cầu cán bộ, công chức cơ quan UBND xã.**

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nghiêm túc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến được ban hành tại Quyết định số 2971/QĐ-UBND của UBND tỉnh; đặc biệt quan tâm, chú trọng đến các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, thuộc trách nhiệm tiếp nhận, xử lý của cá nhân; nâng cao trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện, tiếp nhận, xử lý các hồ sơ thủ tục hành chính, các dịch vụ công trực tuyến của UBND xã được UBND tỉnh ban hành và cung cấp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Thanh Hóa, Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Thường xuyên theo dõi, rà soát danh mục Dịch vụ công được cung cấp khi có thông báo danh mục sửa đổi, bổ sung, thêm mới của các cấp, các ngành khi có sự thay đổi liên quan đến dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

- Chuẩn bị sẵn sàng điều kiện cần thiết để tiếp nhận, số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với các dịch vụ công trực tuyến (đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến toàn trình); cài đặt, sử dụng đầy đủ chữ ký số của cán bộ, công chức đảm bảo việc ký số thành phần hồ sơ, trình ký liên thông kết quả giải quyết giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (phần mềm Một cửa điện tử) với phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; đảm bảo quá trình tiếp nhận, xử lý, phát hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thông suốt.

- Nâng cao chất lượng phục vụ trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, thủ tục hành chính; phối hợp với các đoàn thể, chính trị tăng cường việc thông tin, hướng dẫn và đồng hành cùng người dân, tổ chức trong quá trình đăng ký tài khoản và nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên Công dịch vụ công của tỉnh, Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng Dịch vụ công trực tuyến trong việc rút ngắn thời gian, công sức của người dân, tổ chức khi cần theo dõi, nhận kết quả giải quyết.

- Căn cứ Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần được ban hành tại Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, văn bản hướng dẫn, đôn đốc, triển khai của các cấp, các ngành phối hợp với UBND xã trong việc tiếp nhận, xử lý các hồ sơ dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã; đặc biệt đối với các dịch vụ công được liên thông đảm bảo tiếp nhận, xử lý nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức trong việc thực hiện giao dịch với các cơ quan Nhà nước.

## **2. Giao Công chức Văn hóa Xã hội, Cán bộ Đài truyền thanh xã**

Tăng cường thông tin, tuyên truyền đến cán bộ, công chức, người lao động trên địa bàn xã về dịch vụ công trực tuyến và các lợi ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ công trực tuyến liên thông giữa các cấp, các ngành; Cán bộ, công chức cơ quan UBND xã cần gương mẫu, đi đầu trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước cung cấp để tạo sự hưởng ứng, phổ biến rộng rãi đến người xung quanh.

**3. Giao Văn phòng UBND xã** phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc cập nhật, tái cấu trúc quy trình xử lý dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (phần mềm Một cửa điện tử); kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND xã kiến nghị, đề xuất đối với các cấp, các ngành những vấn đề vượt thẩm quyền.

### **Nơi nhận:**

- Như trên (để t/h);
- Các Phó Chủ tịch;
- Tổ đầu mối KSTTHC;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Long**

**Phụ lục****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ MỘT PHẦN CẤP XÃ**

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                        | Cấp thực hiện | Trực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Trực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                       | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện</b>                                                                                                                             |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                 |            |
| 1   | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã<br>(2.000184.000.00.00.H56)         | cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                           |            |
| 2   | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã<br>(2.000206.000.00.00.H56) | cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                           |            |
|     | <b>Lĩnh vực Chính quyền địa phương</b>                                                                                                                                     |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                 |            |
| 3   | Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách thôi đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố mới<br>(1.006545)     | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. Đăng ký nộp trực tiếp lại 01 bản gốc hoặc qua bưu chính khi nhận kết quả. |            |
|     | <b>Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ</b>                                                                                                                                         |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                 |            |
| 4   | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng<br>(2.000509.000.00.00.H56)                                                                                                           | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                         |            |
| 5   | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng.<br>(1.001028.000.00.00.H56)                                                                                                  | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                         |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                       | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                   | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 6   | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.<br>(1.001055.000.00.00.H56)                                                                 | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tham vấn ý kiến các đơn vị có liên quan; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. Đăng ký nộp trực tiếp lại 01 bản gốc hoặc qua bưu chính khi nhận kết quả. |            |
| 7   | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.<br>(1.001078.000.00.00.H56)         | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                     |            |
| 8   | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.<br>(1.001085.000.00.00.H56) | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                     |            |
| 9   | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.<br>(1.001090.000.00.00.H56)                                | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tham vấn ý kiến các đơn vị có liên quan; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. Đăng ký nộp trực tiếp lại 01 bản gốc hoặc qua bưu chính khi nhận kết quả. |            |
| 11  | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã<br>(1.001098.000.00.00.H56)                           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tham vấn ý kiến các đơn vị có liên quan; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. Đăng ký nộp trực tiếp lại 01 bản gốc hoặc qua bưu chính khi nhận kết quả. |            |
| 12  | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác<br>(1.001109.000.00.00.H56)                            | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tham vấn ý kiến các đơn vị có liên quan; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. Đăng ký nộp trực tiếp lại 01 bản gốc hoặc qua bưu chính khi nhận kết quả. |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                               | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                    | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 13  | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.<br>(1.001156.000.00.00.H56)                                             | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính      |            |
| 14  | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.<br>(1.001167.000.00.00.H56) | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính      |            |
|     | <b>Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng</b>                                                                                                             |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                              |            |
| 15  | Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến<br>(2.000305.000.00.00.H56)                                                                         | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính      |            |
| 16  | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình<br>(1.000748.000.00.00.H56)                                                          | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 17  | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất<br>(2.000337.000.00.00.H56)                                                | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 18  | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề (2.000346.000.00.00.H56)                            | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 19  | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị<br>(1.000775.000.00.00.H56)                                       | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 20  | Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã<br>(1.007922)                             | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Nộp hồ sơ tại Hội nông dân xã                                                                                                |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                        | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực tuyến | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                             | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 21  | Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa<br>(1.007069)          | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; Tổ dân phố họp bình xét; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 22  | Thủ tục công nhận Danh hiệu Gia đình kiểu mẫu.<br>(1.007067)                                                               | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; Tổ dân phố họp bình xét; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 23  | Thủ tục công nhận Danh hiệu Tổ dân phố kiểu mẫu<br>(1.007066)                                                              | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; Tổ dân phố họp bình xét; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
|     | <b>Lĩnh vực Cơ sở giáo dục khác</b>                                                                                        |               |                                |                              |                                                    |                                                                                                                                                       |            |
| 24  | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học<br>(1.004441.000.00.00.H56)                          | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 25  | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập<br>(1.004492.000.00.00.H56)                                                       | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 26  | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại<br>(1.004443.000.00.00.H56)                             | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 27  | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập<br>(1.004485.000.00.00.H56)                                            | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 28  | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).<br>(2.001810.000.00.00.H56) | Cấp xã        | x                              |                              |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc qua bưu chính công ích                                                  |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                          | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                          | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường</b>                                                                                                                                                                            |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |            |
| 29  | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích<br>(1.008838.000.00.00.H56)                                                                                                                                          | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Do TTHC quy định cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện xác nhận trực tiếp vào Hợp đồng tiếp cận nguồn gen.                                                                                                                          |            |
|     | <b>Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn</b>                                                                                                                                                                      |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |            |
| 30  | Đăng ký thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới<br>(1.007194)                                                                                                                                                                      | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                            |            |
| 31  | Xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới<br>(1.007200)                                                                                                                                                               | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                               |            |
| 32  | Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.<br>(1.011467)                                                               | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                               |            |
| 33  | Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.<br>(1.011468) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; cơ quan đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                               |            |
| 34  | Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP.<br>(3.000232)                                                                                    | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                            | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                         | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 35  | Hỗ trợ cho sản phẩm đạt chuẩn OCOP.<br>(3.000233)                              | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                |            |
|     | <b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>                                                    |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |
| 36  | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)<br>(1.003596.000.00.00.H56) | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                                                                                                          |            |
| 37  | Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh<br>(1.010848)                | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 38  | Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô<br>(1.010849)            | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                |            |
| 39  | Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu<br>(1.010851)                      | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                        | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                          | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 40  | Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền<br>vững<br>(1.010852)                                                                                                                                | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 41  | Hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi<br>(1.010854)                           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 42  | Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả<br>(1.010855)                                                                                                                                      | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 43  | Hỗ trợ khi ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa<br>(1.010856)                                                 | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 44  | Hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa<br>(1.010857) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                     | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực tuyến | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                          | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 45  | Hỗ trợ chi phí chuyển đổi cây lâu năm<br>kém hiệu quả sang trồng cây gai xanh<br>(1.010858)                                                                                                                             | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 46  | Hỗ trợ chi phí mua giống cây gai xanh<br>(1.010859)                                                                                                                                                                     | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 47  | Hỗ trợ chi phí mua máy tước vỏ cây gai<br>xanh<br>(1.010861)                                                                                                                                                            | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra thực tế, niêm yết công khai tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của UBND cấp xã; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 48  | Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng<br>quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất<br>để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp<br>quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và<br>theo hướng công nghệ cao. (3.000234)           | Cấp xã        |                                |                              | x                                                  | Lí do: Thành phần hồ sơ có Trích đo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án chứng minh liên vùng, tập trung (bản chính).                                                                                                          |            |
|     | <b>Lĩnh vực Phòng chống thiên tai</b>                                                                                                                                                                                   |               |                                |                              |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                    |            |
| 49  | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn<br>cho lực lượng xung kích phòng chống<br>thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa<br>tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội<br>(1.010091.000.00.00.H56)                          | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến (sau đó nộp bản gốc trực tiếp hoặc qua bưu chính); trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                           |            |
| 50  | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai<br>nạn suy giảm khả năng lao động từ 5 trở lên) cho<br>lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp<br>xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội<br>(1.010092.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                    | Nộp hồ sơ trực tuyến (sau đó nộp bản gốc trực tiếp hoặc qua bưu chính); trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                           |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                            | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 51  | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập<br>trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu<br>(2.002163.000.00.00.H56)                                                                     | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan thực hiện<br>đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến<br>(sao y bản giấy sang bản điện tử) và trả<br>bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                                                                                                           |            |
| 52  | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do<br>thiên tai<br>(2.002161.000.00.00.H56)                                                                                        | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan thực hiện<br>đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyến<br>(sao y bản giấy sang bản điện tử) và trả<br>bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                                                                                                           |            |
| 53  | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do<br>dịch bệnh<br>(2.002162.000.00.00.H56)                                                                                        | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến (sau đó nộp bản gốc<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính); cơ quan<br>thực hiện đi kiểm tra thực tế; trả kết quả<br>trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện<br>tử) và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu<br>chính.                                                                                                   |            |
|     | <b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>                                                                                                                                                       |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |            |
| 54  | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với<br>tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của<br>UBND cấp xã<br>(1.003440.000.00.00.H56)                                              | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra<br>thực tế; Khi có yêu cầu kiểm tra xác minh<br>thông tin hồ sơ đã nộp so với bản gốc hoặc<br>khi đi kiểm tra thực tế đề nghị cá nhân, tổ<br>chức cung cấp bản gốc để đối chiếu ; trả<br>kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện<br>tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua<br>bưu chính |            |
| 55  | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó<br>thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập<br>trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của<br>UBND cấp xã<br>(1.003446.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra<br>thực tế; Khi có yêu cầu kiểm tra xác minh<br>thông tin hồ sơ đã nộp so với bản gốc hoặc<br>khi đi kiểm tra thực tế đề nghị cá nhân, tổ<br>chức cung cấp bản gốc để đối chiếu ; trả<br>kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện<br>tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua<br>bưu chính |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                                            | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 56  | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)<br>(2.001621.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; cơ quan đi kiểm tra thực tế; Khi có yêu cầu kiểm tra xác minh thông tin hồ sơ đã nộp so với bản gốc hoặc khi đi kiểm tra thực tế đề nghị cá nhân, tổ chức cung cấp bản gốc để đối chiếu ; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
|     | <b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>                                                                                                                                                                                                                                                     |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |
| 57  | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa<br>(1.008004.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                     | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển (sau đó nộp bản gốc trực tiếp hoặc qua bưu chính); cơ quan thực hiện đi kiểm tra thực tế; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử) và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                                             |            |
|     | <b>Lĩnh vực Tiếp công dân</b>                                                                                                                                                                                                                                                  |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |
| 58  | Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã<br>(1.010945.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                                   | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | TTHC được thực hiện theo trình tự, thủ tục của:<br>- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;<br>- Thông tư số 04/2021/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ ngày 01/10/2021 quy định quy trình tiếp công dân.           |            |
|     | <b>Lĩnh vực Xử lý đơn</b>                                                                                                                                                                                                                                                      |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                         | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trục<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 59  | Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã<br>(2.002501.000.00.00.H56)                    | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | TTHC được thực hiện theo trình tự, thủ tục của:<br>- Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;<br>- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;<br>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;<br>Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 4 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. |            |
|     | <b>Lĩnh vực Khiếu nại</b>                                                   |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |
| 60  | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã<br>(2.002409.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | TTHC được thực hiện theo trình tự, thủ tục của:<br>- Luật Khiếu nại 2011;<br>Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |
|     | <b>Lĩnh vực Tố cáo</b>                                                      |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |
| 61  | Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã<br>(2.002396.000.00.00.H56)            | cấp xã        |                                |                              | x                                                     | TTHC được thực hiện theo trình tự, thủ tục của:<br>- Luật Tố cáo 2018.<br>- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo, Thông tư số 06/2013/TT-TTCTP ngày 30/9/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                              | Cấp thực hiện                                                   | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                         | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>Lĩnh vực Phòng chống Tham nhũng</b>                                                                                                                                           |                                                                 |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |
| 62  | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập<br>(2.002400.000.00.00.H56)                                                                                                                    | Cơ quan nhà<br>nước có liên<br>quan ở<br>cấp tỉnh, huyện,<br>xã |                                |                              |                                                       | TTHC được thực hiện theo trình tự, thủ<br>tục của:<br>- Luật phòng chống tham nhũng số<br>36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm<br>2018;<br>Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01<br>tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định<br>chi tiết một số điều và biện pháp thi hành<br>Luật PCTN. |            |
| 63  | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình<br>(2.002402.000.00.00.H56)                                                                                                                 | Cơ quan nhà<br>nước có liên<br>quan cấp tỉnh,<br>huyện, xã      |                                |                              |                                                       | nt                                                                                                                                                                                                                                                                                |            |
| 64  | Thủ tục thực hiện việc giải trình<br>(2.002403.000.00.00.H56)                                                                                                                    | Cơ quan nhà<br>nước có liên<br>quan cấp<br>tỉnh, huyện,<br>xã   |                                |                              |                                                       | x                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |
|     | <b>Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật</b>                                                                                                                                      |                                                                 |                                |                              |                                                       | x                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |
| 65  | Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp<br>tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe,<br>tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa<br>giải<br>(2.000424.000.00.00.H56) | Cấp xã                                                          |                                | x                            |                                                       | x                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |
| 66  | Thủ tục thôi làm hòa giải viên<br>(2.000930.000.00.00.H56)                                                                                                                       | Cấp xã                                                          |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; sau đó đăng ký nộp<br>bản gốc; trả kết quả trực tuyển hoặc trực<br>tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                                                                  |            |
| 67  | Thủ tục miễn nhiệm tuyên truyền viên<br>pháp luật<br>(2.001449.000.00.00.H56)                                                                                                    | Cấp xã                                                          |                                |                              | x                                                     | Bộ Tư pháp công bố thành phần hồ sơ<br>“không quy định “ nên không có cơ sở để<br>nhận và nộp hồ sơ                                                                                                                                                                               |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                        | Cấp thực hiện            | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                  | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 68  | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật<br>(2.001457.000.00.00.H56)                                                                  | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tuyển hoặc trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                                                          |            |
| 69  | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên<br>(2.002080.000.00.00.H56)                                                                   | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyển hoặc trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                                                 |            |
|     | <b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>                                                                                                              |                          |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                            |            |
| 70  | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước<br>(2.001263.000. 00.00.H56)                                                                         | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; thanh toán trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 71  | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước<br>(2.001255.000. 00.00.H56)                                                                     | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc.                        |            |
| 72  | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi<br>(1.003005.000. 00.00.H56) | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; thanh toán trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
|     | <b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>                                                                                                                    |                          |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                            |            |
| 73  | Cấp bản sao Trích lục hộ tịch<br>(2.000635.000.00.00.H56)                                                                                  | Cấp<br>tỉnh/huyện<br>/xã | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, thanh toán trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua đường bưu chính                                                                                                                               |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                              | Cấp thực hiện            | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                  | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 74  | Xác nhận thông tin hộ tịch<br>(2.002516.000.00.00 .H56)                          | Cấp<br>tỉnh/huyện<br>/xã | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, thanh toán trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua đường bưu chính                                                                                                                               |            |
| 75  | Đăng ký khai sinh<br>(1.001193.000.00.00 .H56)                                   | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, thanh toán trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký số hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 76  | Đăng ký kết hôn<br>(1.000894.000.00.00 .H56)                                     | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, thanh toán trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký số hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 77  | Đăng ký nhận cha, mẹ, con<br>(1.001022.000.00.00 .H56 )                          | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, thanh toán trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký số hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 78  | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con<br>(1.000689.000.00.00 .H56) | Cấp xã                   |                                |                              | x                                                     | Liên thông hai thủ tục, thủ tục khai sinh giải quyết ngay trong ngày, cả hai thủ tục đều cần có mặt trực tiếp để ký số hộ tịch                                                                                                                             |            |
| 79  | Đăng ký khai tử<br>(1.000656.000.00.00 .H56)                                     | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, thanh toán trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký số hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                  | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 80  | Đăng ký khai sinh lưu động<br>(1.003583.000.00.00 .H56 )                                           | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Do đặc thù của thủ tục hành chính phải làm trực tiếp tại nơi đi lưu động                                                                                                                                                                                   |            |
| 81  | Đăng ký kết hôn lưu động<br>(1.000593.000.00.00 .H56 )                                             | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Do đặc thù của thủ tục hành chính phải làm trực tiếp tại nơi đi lưu động                                                                                                                                                                                   |            |
|     | Đăng ký khai tử lưu động<br>(1.000419.000.00.00 .H56 )                                             | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Do đặc thù của thủ tục hành chính làm trực tiếp tại nơi đi lưu động                                                                                                                                                                                        |            |
| 82  | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới<br>(1.000110.000.00.00 .H56 )         | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 83  | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới<br>(1.000094.000.00.00 .H56 )           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 84  | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới<br>(1.000080.000.00.00 .H56 ) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 85  | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới<br>(1.004827.000.00.00 .H56 )           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                          | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                  | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 86  | Đăng ký giám hộ<br>(1.004837.000.00.00 .H56 )                                | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc.                        |            |
| 87  | Đăng ký chấm dứt giám hộ<br>(1.004845.000.00.00 .H56 )                       | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc.                        |            |
| 88  | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch<br>(1.004859.000.00.00 .H56 ) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 89  | Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân<br>(1.004873.000.00.00 .H56)           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua đường bưu chính (có thể kiểm tra, xác minh thực tế)                                                                   |            |
| 90  | Đăng ký lại khai sinh<br>(1.004884.000.00.00 .H56)                           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                    | Cấp thực hiện                                     | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                 | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 91  | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy<br>tờ cá nhân<br>(1.004772.000.00.00 .H56)                                                               | Cấp xã                                            |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực<br>tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản<br>giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký<br>số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua<br>bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực<br>tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 92  | Đăng ký lại kết hôn<br>(1.004746.000.00.00 .H56)                                                                                                       | Cấp xã                                            |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực<br>tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản<br>giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký<br>số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua<br>bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực<br>tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 93  | Đăng ký lại khai tử<br>(1.005461.000.00.00 .H56)                                                                                                       | Cấp xã                                            |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực<br>tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản<br>giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký<br>số) và trả bản giấy trực tiếp không trả qua<br>bưu chính; công dân đến nhận kết quả trực<br>tiếp để ký sổ hộ tịch và nộp lại hồ sơ gốc. |            |
| 94  | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký<br>khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo<br>hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi<br>(2.000986.000.00.00.H56) | Cấp xã                                            |                                | x                            |                                                       | (liên kết thực hiện trực tuyến trên phần<br>mềm liên thông của Bộ Công an)                                                                                                                                                                                                |            |
| 95  | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký<br>khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em<br>dưới 6 tuổi<br>(2.001023.000.00.00.H56)                 | Cấp xã                                            |                                | x                            |                                                       | (liên kết thực hiện trực tuyến trên phần<br>mềm liên thông của Bộ Công an)                                                                                                                                                                                                |            |
|     | <b>Lĩnh vực Chứng Thực</b>                                                                                                                             |                                                   |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |
| 96  | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc<br>(2.000908.000.00.00.H56)                                                                                              | Cấp tỉnh (các<br>sở, ban,<br>ngành),<br>huyện, xã | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực<br>tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử<br>hoặc bản điện tử ký số) hoặc trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                                                            |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                        | Cấp thực hiện    | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                      | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 97  | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (2.000815.000.00.00.H56)                                                        | Cấp huyện, xã    |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; nộp lại bản chính sau khi nộp thành công trực tuyển để đối chiếu; thanh toán trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 98  | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (2.000913.000.00.00.H56)                                                                                                              | Cấp huyện, xã    |                                |                              | x                                                     | Nộp hồ sơ trực tiếp, người yêu cầu phải ký trước mặt của người có thẩm quyền chứng thực                                                                                                                                                        |            |
| 99  | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (2.000927.000.00.00.H56)                                                                                                                                 | Cấp huyện, xã    |                                |                              | x                                                     | Nộp hồ sơ trực tiếp, người yêu cầu phải ký trước mặt của người có thẩm quyền chứng thực)                                                                                                                                                       |            |
| 100 | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (2.000942.000.00.00.H56)                                                                                             | Cấp huyện, xã    |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; nộp lại bản chính sau khi nộp thành công trực tuyển để đối chiếu; thanh toán trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc bản điện tử ký số) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 101 | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản (2.001044.000.00.00.H56)                                                                                                          | Cấp huyện, xã    |                                |                              | x                                                     | Người yêu cầu ký trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                                                                                                            |            |
| 102 | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản (2.001050.000.00.00.H56)                                                                                                      | Cấp huyện, xã    |                                |                              | x                                                     | Người yêu cầu chứng thực ký trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                                                                                                 |            |
| 103 | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản (2.001052.000.00.00.H56)                                                                                                                 | Cấp huyện/ xã    |                                |                              | x                                                     | Ký trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                                                                                                                          |            |
| 104 | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (2.000884.000.00.00.H56) | Cấp huyện/<br>xã |                                |                              | x                                                     | Người yêu cầu chứng thực ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                                                                                   |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                | Cấp thực hiện          | Thực<br>tuyên<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyên<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyên | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                 | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 105 | Thủ tục chứng thực di chúc<br>(2.001019.000.00.00.H56)                                                                             | Cấp xã                 |                                |                              | x                                                     | Người yêu cầu ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                         |            |
| 106 | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở<br>(2.001035.000.00.00.H56)     | Cấp xã                 |                                |                              | x                                                     | Người yêu cầu ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                         |            |
| 107 | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở<br>(2.001009.000.00.00.H56)            | Cấp xã                 |                                |                              | x                                                     | Người yêu cầu ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                         |            |
| 108 | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở<br>(2.001406.000.00.00.H56) | Cấp xã                 |                                |                              | x                                                     | Người yêu cầu ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                         |            |
| 109 | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản<br>(2.001016.000.00.00.H56)                                                         | Cấp xã                 |                                |                              | x                                                     | Người yêu cầu ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền thực hiện chứng thực                                                                                         |            |
|     | <b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>                                                                                                |                        |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                           |            |
| 110 | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (2.002165.000.00.00.H56)  | Cấp xã                 |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan trực tiếp tổ chức các buổi thương lượng, trả kết quả trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                          |            |
|     | <b>Lĩnh vực Đất đai</b>                                                                                                            |                        |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                           |            |
| 111 | Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai (cấp tỉnh)<br>(1.004269.000.00.00.H56)                                                            | Cấp tỉnh,<br>huyện, xã | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                     |            |
| 112 | Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)<br>(1.003554.000.00.00.H56)                                                                   | Cấp xã                 |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; cơ quan đi kiểm tra xác minh thực tế, hòa giải; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.. |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                              | Cấp thực hiện            | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                             | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>Lĩnh vực Môi trường</b>                                                                                       |                          |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                       |            |
| 113 | Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích)<br>(1.004082.000.00.00.H56)                             | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; nộp lại hồ sơ gốc; kết quả trả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử hoặc ký số bản điện tử) và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 114 | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường<br>(1.010736.000.00.00.H56)                                          | Cấp xã                   | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                              |            |
|     | <b>Lĩnh vực chính sách thuế</b>                                                                                  |                          |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                       |            |
| 115 | Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp<br>(1.008603.000.00.00.H56 )      | Cấp<br>tỉnh/huyện<br>/xã | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến hoặc bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                              |            |
|     | <b>Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b>                                                                                    |                          |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                       |            |
| 116 | Thủ tục Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm (1.000954.000.00.00.H56)                                    | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; Tổ chức cuộc họp bình xét; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.             |            |
| 117 | Thủ tục Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa<br>(1.001120.000.00.00.H56)                                          | Cấp xã                   |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; Tổ chức cuộc họp bình xét; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.             |            |
| 118 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã<br>(1.003622.000.00.00.H56)                                              | Cấp xã                   | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                              |            |
|     | <b>Lĩnh vực Thư viện</b>                                                                                         |                          |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                       |            |
| 119 | Thủ tục Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng<br>(1.008901.000.00.00.H56)                      | Cấp xã                   | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến; trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                                       |            |
| 120 | Thủ tục Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng<br>(1.008902.000.00.00.H56) | Cấp xã                   | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến; trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                                                                       |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                            | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                           | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 121 | Thủ tục Thông báo chấm dứt hoạt động<br>thư viện cộng đồng<br>(1.008903.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                         | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến<br>hoặc bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu<br>chính.                                      |            |
|     | <b>Lĩnh vực Thể dục Thể thao</b>                                                                                                                                                                                                                               |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                     |            |
| 122 | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở<br>(2.000794.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                        | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực<br>tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả<br>bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.      |            |
|     | <b>Lĩnh vực Dân số- kế hoạch hóa gia đình</b>                                                                                                                                                                                                                  |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                     |            |
| 123 | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng<br>sinh con đúng chính sách dân số<br>(2.001088.000.00.00.H56)                                                                                                                                                       | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực<br>tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả<br>bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính       |            |
| 124 | Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ<br>được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa<br>bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn<br>bản đỡ đẻ. (1.002192.000.00.00.H56)                                                                                   | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Gửi hồ sơ đến Trạm Y tế xã                                                                                                          |            |
|     | <b>Lĩnh vực Giám định pháp y</b>                                                                                                                                                                                                                               |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                     |            |
| 125 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với<br>trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện<br>hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá<br>nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết<br>luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật<br>(1.011798.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Nộp hồ sơ tại xã, tuy nhiên thủ tục phải<br>chuyển hồ sơ giấy về Trung tâm Giám<br>định y khoa tỉnh hoặc Bệnh viện để giải<br>quyết |            |
| 126 | Khám giám định đối với trường hợp người<br>khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người<br>khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng<br>chứng xác thực về việc xác định mức độ<br>khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ<br>khuyết tật không khách        | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Nộp hồ sơ tại xã, tuy nhiên thủ tục phải<br>chuyển hồ sơ giấy về Trung tâm Giám<br>định y khoa tỉnh hoặc Bệnh viện để giải<br>quyết |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                | Cấp thực hiện               | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>                                                                                 |                             |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |
| 127 | Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa<br>(1.004047.000.00.00.H56)             | Cấp tỉnh, Cấp huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; Thanh toán trực tuyển; đăng ký nộp lại bản gốc Hóa đơn thuế trước bạ bằng trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                       |            |
| 128 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện<br>(1.003930.000.00.00.H56)                                            | Cấp tỉnh, Cấp huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; Thanh toán trực tuyển; nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp bằng trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                     |            |
| 129 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa<br>(1.004088.000.00.00.H56) | Cấp tỉnh, Cấp huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; Thanh toán trực tuyển; đăng ký nộp lại bản gốc Hóa đơn thuế trước bạ bằng trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                       |            |
| 130 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật<br>(2.001711.000.00.00.H56)  | Cấp tỉnh, Cấp huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; Thanh toán trực tuyển; nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, biên lai phí trước bạ, xuất trình giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đã được cấp bằng trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                            | Cấp thực hiện               | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 131 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu trường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp tỉnh khác (1.006391.000.00.00.H56) | Cấp tỉnh, Cấp huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; nộp lại hồ sơ gốc, xuất trình để kiểm tra giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đã cấp bằng trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                            |            |
| 132 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.003970.000.00.00.H56)                                               | Cấp tỉnh, Cấp huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; Thanh toán trực tuyển; nộp lại hồ sơ gốc, biên lai phí trước bạ, xuất trình giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đã được cấp bằng trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                     |            |
| 133 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.004002.000.00.00.H56)                                             | Cấp tỉnh, Cấp huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; Thanh toán trực tuyển; nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, biên lai phí trước bạ, xuất trình giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đã được cấp, hợp đồng mua bán bằng trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 134 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (1.004036.000.00.00.H56)                                                 | Cấp tỉnh, Cấp huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; Thanh toán trực tuyển; nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, biên lai và xuất trình các loại giấy tờ khác bằng trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                     |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                      | Cấp thực hiện                  | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                    | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 135 | Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện<br>(2.001659.000.00.00.H56)                                                                      | Cấp tỉnh, Cấp<br>huyện, cấp xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp qua bưu chính hoặc trực tiếp trước khi nhận kết quả; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 136 | Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung<br>(1.005040.000.00.00.H56)                         | Cấp tỉnh, Cấp<br>huyện, cấp xã |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa vào bản trình báo đường thủy nội địa trong thời hạn 03 giờ.                                                                                           |            |
|     | <b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác</b>                                                                                    |                                |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                              |            |
| 137 | Thông báo thành lập tổ hợp tác<br>(2.002226.000.00.00.H56)                                                                               | Cấp xã                         | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; kết quả là việc xác nhận vào sổ theo dõi của UBND cấp xã nên không phải trả kết quả.                                                                                                                                   |            |
| 138 | Thông báo thay đổi tổ hợp tác<br>(2.002227.000.00.00.H56)                                                                                | Cấp xã                         | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; kết quả là việc xác nhận vào sổ theo dõi của UBND cấp xã nên không phải trả kết quả.                                                                                                                                   |            |
| 139 | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác<br>(2.002228.000.00.00.H56 )                                                                 | Cấp xã                         | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; kết quả là việc xác nhận vào sổ theo dõi của UBND cấp xã nên không phải trả kết quả.                                                                                                                                   |            |
|     | <b>Lĩnh vực Bảo trợ Xã hội</b>                                                                                                           |                                |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                              |            |
| 140 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng<br>(2.000744.000.00.00.H56)                                                          | Cấp xã                         | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                      |            |
| 141 | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng<br>(1.001776.000.00.00.H56) | Cấp xã                         | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                      |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                       | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                    | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 142 | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (1.001758.000.00.00.H56)                                                | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                      |            |
| 143 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.001753.000.00.00.H56) | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                      |            |
| 144 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện (2.000286.000.00.00.H56)                                                                                                                  | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                      |            |
| 145 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp (1.001739.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                          | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                      |            |
| 146 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (1.001731.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                             | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                      |            |
| 147 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật (1.001699.000.00.00.H56)                                                                                                                                                         | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tiến hành xác định mức độ khuyết tật; trả kết quả trực tuyển đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính (kết quả sao y và ký số bản điện tử). |            |
| 148 | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật (1.001653.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                            | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tiến hành xác định mức độ khuyết tật; trả kết quả trực tuyển đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính (kết quả sao y và ký số bản điện tử). |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                      | Cấp thực hiện | Trực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Trực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                 | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 149 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở<br>(2.000751.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                 | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                   |            |
| 150 | Thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hòa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 (đối với các đối tượng mà thân nhân hoặc cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương quản lý)<br>(2.002506) | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính, tiền hỗ trợ được thanh toán qua tài khoản ngân hàng hoặc trực tiếp.              |            |
| 151 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn<br>(2.000355.000.00.00.H56)                                                                                                                                      | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                   |            |
| 152 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm<br>(1.011606.000.00.00.H56)                                                                                                                                        | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tổ chức họp thôn, biên bản họp thôn, các biểu mẫu rà soát theo từng hộ gia đình; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 153 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm<br>(1.011607.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                       | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tổ chức họp thôn, biên bản họp thôn, các biểu mẫu rà soát theo từng hộ gia đình; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 154 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm<br>(1.011608.000.00.00.H56)                                                                                                                                                           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; tổ chức họp thôn, biên bản họp thôn, các biểu mẫu rà soát theo từng hộ gia đình; trả kết quả trực tuyển (kết quả sao y bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 155 | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình<br>(1.011609.000.00.00.H56)                                                                                                                                   | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                   |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                | Cấp thực hiện          | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>Lĩnh vực Người có công</b>                                                                                                                                                                                      |                        |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                          |            |
| 156 | Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”<br>(1.010772.000.00.00.H56 )                                                                                                                                                           | Cấp tỉnh,<br>huyện, xã |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                          |            |
| 157 | Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.<br>(1.010774.000.00.00.H56) | Cấp tỉnh, cấp xã       |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                          |            |
| 158 | Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”<br>(1.010777.000.00.00.H56)                                                                                                                                                        | cấp xã                 |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử)<br>đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                       |            |
| 159 | Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”<br>(1.010778.000.00.00.H56)                                                                                                                                                        | cấp xã                 |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                          |            |
| 160 | Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh<br>(1.010781.000.00.00.H56)                                                                                                      | Cấp xã                 |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyển (sao y bản giấy sang bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                          |            |
| 161 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ LĐTBXH quản lý<br>(1.010783.000.00.00.H56)                                                                                            | Cấp xã                 | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính; sau khi nhận quyết định người có công được tiếp nhận vào cơ sở nuôi dưỡng. |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                        | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                           | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 162 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ<br>(1.010803.000.00.00.H56)                                                                                                                     | cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.           |            |
| 163 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”<br>(1.010804.000.00.00.H56)                                           | cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.           |            |
| 164 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an<br>(1.010805.000.00.00.H56) | cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; sau đó đăng ký nộp bản gốc; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.           |            |
| 165 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an.<br>(1.010810.000.00.00.H56)                                                                             | cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; đăng ký nộp hồ sơ bản chính; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số và sao y bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 166 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý<br>(1.010812.000.00.00.H56)                                                                         | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                       |            |
| 167 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành LĐTBXH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ<br>(1.010814.000.00.00.H56)                                            | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.                                       |            |
| 168 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng<br>(1.010815.000.00.00.H56)                                                                                                | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; đăng ký nộp hồ sơ bản chính; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.          |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                               | Cấp thực hiện           | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                           | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 169 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi<br>người hoạt động kháng chiến bị nhiễm<br>chất độc hóa học<br>(1.010816.000.00.00.H56)                                     | Cấp xã                  |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 170 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của<br>người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất<br>độc hóa học<br>(1.010817.000.00.00.H56)                                 | Cấp xã                  |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 171 | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt<br>động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ<br>quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày<br>(1.010818.000.00.00.H56) | Cấp xã                  |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 172 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng<br>chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và<br>làm nghĩa vụ quốc tế<br>(1.010819.000.00.00.H56)                        | Cấp xã                  |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 173 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách<br>mạng<br>(1.010820.000.00.00.H56)                                                                                  | cấp xã                  |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 174 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến<br>trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục<br>thuộc hệ thống giáo dục quốc dân<br>(1.010821.000.00.00.H56)               | cấp xã, cơ<br>quan khác |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 175 | Hưởng trợ cấp khi người có công đang<br>hưởng trợ cấp ưu đãi tù trần<br>(1.010824.000.00.00.H56)                                                                  | Cấp xã                  |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                            | Cấp thực hiện                                  | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                        | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 176 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ<br>liệt sĩ<br>(1.010825.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                 | Cấp xã                                         |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính.                              |            |
| 177 | Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy<br>sinh.<br>(1.010831.000.00.00.H56)                                                                                                                                                             | Cấp tỉnh, Cấp<br>huyện cấp xã,<br>cơ quan khác |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này tiếp nhận hồ sơ tại Cơ quan,<br>đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh; Bộ<br>Chỉ huy quân sự tỉnh nơi nguyên quán của<br>liệt sĩ; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh nơi liệt sĩ<br>hy sinh. |            |
| 178 | Thăm viếng mộ liệt sĩ.<br>(1.010832.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                             | Cấp huyện,<br>cấp xã                           | x                              |                              |                                                       | Thực hiện trực tuyển tại cấp huyện: Nộp<br>hồ sơ trực tuyển; trả kết quả trực tuyển<br>(sao y bản giấy sang bản điện tử) đồng<br>thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu<br>chính.              |            |
| 179 | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có<br>công<br>(1.010833.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                   | Cấp xã                                         |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính.                              |            |
| 180 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh<br>niên xung phong thời kỳ chống Pháp<br>(2.002308.000.00.00.H56)                                                                                                                                 | Cấp xã                                         |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính.                              |            |
| 181 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu<br>chiến binh<br>(2.002307.000.00.00.H56)                                                                                                                                                           | Cấp xã                                         |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính.                              |            |
| 182 | Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp<br>một lần đối với thân nhân người hoạt động<br>kháng chiến được tặng huân chương, huy<br>chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm<br>1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.<br>(1.005387.000.00.00.H56) | Cấp xã                                         |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển; đăng ký nộp hồ sơ<br>bản chính; trả kết quả trực tuyển (kết quả<br>ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính.                              |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                  | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương<br>(1.001257.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; đăng ký nộp hồ sơ bản chính; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 183 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia<br>(1.004964.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                                                             | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; đăng ký nộp hồ sơ bản chính; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 184 | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến<br>(2.001396.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                                                                         | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; đăng ký nộp hồ sơ bản chính; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
| 185 | Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến<br>(2.001157.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                                                                            | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; đăng ký nộp hồ sơ bản chính; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) đồng thời trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính. |            |
|     | <b>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                            |            |
| 186 | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình<br>(1.000132.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                    |            |
| 187 | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện<br>(1.010941.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                    |            |
| 188 | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân<br>(2.001661.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cấp xã        | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                    |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                      | Cấp thực hiện                | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyến và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>Lĩnh vực Trẻ em</b>                                                                                                                                                                   |                              |                                |                              |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |
| 189 | Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em<br>tại cơ sở trợ giúp xã hội<br>(1.004944.000.00.00.H56)                                                                                      | Cấp tỉnh Cấp<br>huyện Cấp xã | x                              |                              |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực<br>tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả<br>bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                                                                                                                                                |            |
| 190 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp<br>hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường<br>hoặc người gây tổn hại cho trẻ em<br>(1.004946.000.00.00.H56)                                | Cấp tỉnh Cấp<br>huyện Cấp xã |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này cần nhanh, khẩn cấp do đó<br>cần tiếp nhận trực tiếp hoặc qua điện<br>thoại; trong quá trình thực hiện cũng cần<br>xác minh mức độ tổn hại; Kết quả là trả<br>trực tiếp; do kết quả là các biện pháp can<br>thiệp khẩn cấp, tạm thời ra khỏi môi<br>trường hoặc người gây tổn hại, thời gian<br>giải quyết trong 12 giờ. Do đó không thể<br>thực hiện trực tuyến |            |
| 191 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ<br>em đối với cá nhân, người đại diện gia<br>đình nhận chăm sóc thay thế không phải là<br>người thân thích của trẻ em<br>(1.004941.000.00.00.H56) | Cấp xã                       |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; phải thực hiện xác<br>minh điều kiện gia đình cá nhân nhận<br>chăm sóc trẻ; trả kết quả trực tuyến (kết<br>quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                                                                    |            |
| 192 | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em<br>đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận<br>chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ<br>em<br>(2.001944.000.00.00.H56)          | Cấp xã                       |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; phải thực hiện xác<br>minh điều kiện gia đình cá nhân nhận<br>chăm sóc trẻ; trả kết quả trực tuyến (kết<br>quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy<br>trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                                                                                    |            |
| 193 | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với<br>trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực,<br>bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc<br>biệt<br>(2.001947.000.00.00.H56)          | Cấp xã                       |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyến; trong quá trình thực<br>hiện cũng cần đánh giá nguy cơ, tổ chức<br>họp có đại diện gia đình và nơi cư trú để<br>đưa ra biện pháp hỗ trợ; trả kết quả trực<br>tuyển (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả<br>bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                                                                       |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình     | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>Lĩnh vực Chính sách</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |               |                                |                              |                                                       |                                                               |            |
| 194 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (1.000714.000.00.00.H56)                                                                                                                 | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này nộp hồ sơ cho trưởng thôn nơi đăng ký thường trú  |            |
| 195 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng (1.000693.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này nộp hồ sơ cho trưởng thôn nơi đăng ký thường trú. |            |
| 196 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết (1.000682.000.00.00.H56)                                  | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này nộp hồ sơ cho trưởng thôn nơi đăng ký thường trú. |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                                                                     | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 197 | Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (2.000034.000.00.00.H56)                                                                               | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này được quy định trong Thông tư là nộp hồ sơ tại xã theo từng đợt (mỗi đợt vào ngày đầu tuần trong tuần đầu, tháng đầu của mỗi quý); |            |
| 198 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần) (2.000029.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này được quy định trong Thông tư là nộp hồ sơ tại xã theo từng đợt (mỗi đợt vào ngày đầu tuần trong tuần đầu, tháng đầu của mỗi quý); |            |
| 199 | Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP (1.004937.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                                                         | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính                                                     |            |
| 200 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế (2.001084.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                  | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này thực hiện theo từng đợt                                                                                                           |            |
| 201 | Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ (1.008243.000.00.00.H56)                                                                                                                        | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này thực hiện theo từng đợt                                                                                                           |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                 | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 202 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh (2.000278.000.00.00.H56)          | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này nộp hồ sơ cho trường thôn nơi đăng ký thường trú.                             |            |
| 203 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã tử trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh (2.000310.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này nộp hồ sơ cho trường thôn nơi đăng ký thường trú.                             |            |
| 204 | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (1.008235.000.00.00.H56)                                                                                                                                                                    | Cấp xã        |                                |                              | x                                                     | Thủ tục này nộp hồ sơ cho trường thôn nơi đăng ký thường trú.                             |            |
| 205 | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ giấy tờ) (1.001995.000.00.00.H56)                                                                                                     | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                               | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                 | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 206 | Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lương (1.001971.000.00.00.H56)                                | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 207 | Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu) (1.001892.000.00.00.H56)                                                           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 208 | Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ- TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định số 188/2007/QĐ- TTg) (1.001852.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 209 | Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ) (1.001790.000.00.00.H56)                  | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 210 | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng) (1.001744.000.00.00.H56)                                                       | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 211 | Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ giấy tờ (1.001681.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                                        | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                 | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 212 | Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 88/2007/QĐ-TTg (3.000011.000.00.00.H56)                                                                                 | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 213 | Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác) (2.000537.000.00.00.H56)                                           | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 214 | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (2.000503.000.00.00.H56)                                                 | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 215 | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã từ trần) (1.001715.000.00.00.H56)                                   | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 216 | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ) (1.001295.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |

| STT | Tên Thủ tục hành chính<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cấp thực hiện | Thực<br>tuyển<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyển<br>một<br>phần | Không xác<br>định là dịch<br>vụ công<br>trực<br>tuyển | Yêu cầu trực tuyển và<br>thực hiện tái cấu trúc quy trình                                 | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 217 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh<br>(1.011401.000.00.00.H56)                                                                            | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |
| 218 | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra<br>(1.011402.000.00.00.H56) | Cấp xã        |                                | x                            |                                                       | Nộp hồ sơ trực tuyển, đăng ký nộp lại hồ sơ gốc; trả kết quả trực tiếp hoặc qua bưu chính |            |

